

當日市場：現金流繼續主要集中在大型股

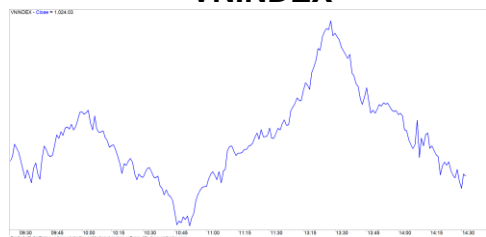
2019/11/07

市場走勢 2019/9/20

市場指數	VNI	HNI	UPCOM
收盤	1,024.03	106.88	56.83
%日	-0.09%	0.12%	0.41%
%週	2.52%	1.61%	1.07%
%月	4.16%	3.04%	-0.04%
%年	11.05%	2.57%	10.20%
成交值(十億盾)			
當日	4,040	288	443
日均量/週	4,635	371	291
日均量/月	3,934	404	235
外資進出			
買進	645.55	11.90	38.14
賣出	512.13	26.03	42.91
買賣超	133.42	-14.13	-4.76
市場漲跌家數			
上漲	127	53	184
下跌	157	71	92
持平	104	246	627
市場指標			
P/E	16.71	9.32	17.91
總市值 (兆盾)	3,503	192	987
股息殖利 率	1.42%	4.57%	5.13%

資料源: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



市場走勢

市場在窄幅波動。VN 指數收於 1024.03 點，微跌 0.09%。HNX 指數微漲 0.13%，收於 106.88 點。Upcom 指數強勁上漲 0.42%，收於 56.83 點。現金流繼續減弱，三大市場的交易價值超過了 3 兆 8 千億越南盾。

收盤時，Vingroup 的股票顯示出放緩上漲勢頭的跡象，因 VHM 僅上漲了略高於參考價格，儘管該交易日上漲了 2.9% 以上。今天的焦點是 HPG，上漲 3.2%，流動性超過 1300 萬股時，這是自 3 月底以來的最高水平。此外，REE (+1.6%)，SSI (+1.6%)，BID (+1.9%)，MSN (+0.7%)，MWG (+0.6%)，GAS (+0.3%) 也幫助保持了 VN30 指數在綠漲終。相反，BVH，NVL 下跌了 1% 以上，其餘的則略有下降。

在短暫的累積在 24,500 後，HCM 上漲了 2.2%，收於 25,300 越南盾。

外資買超價值為 1,140 億越南盾。主要購買 VRE (629 億越南盾) 和 VHM (625 億越南盾)。相反，主要拋售 VNM (638 億越南盾)。

短線市場觀點

我們認為，市場可能會在下一個交易日開始時繼續進行修正，該修正區間的支撐區域為 VN 指數的 1,010-1,015 點。同時，現金流量主要集中在大盤股上，這表明短期現金流量尚未從市場撤出，而在各類股之間流動，從而幫助市場避免了被強勁修正。此外，市場仍然有巨大的波動，現貨比例急劇上漲，表明短期策略仍保持較高的現貨比例。

我們的趨勢指標系統短期內在兩個主要指數上均保持上漲趨勢，VN 指數的支撐位在 1013.26 點和 HNX 指數的在 104.75。我們建議短期投資者利用修正節奏來增加股票比例，並集中在大盤股。

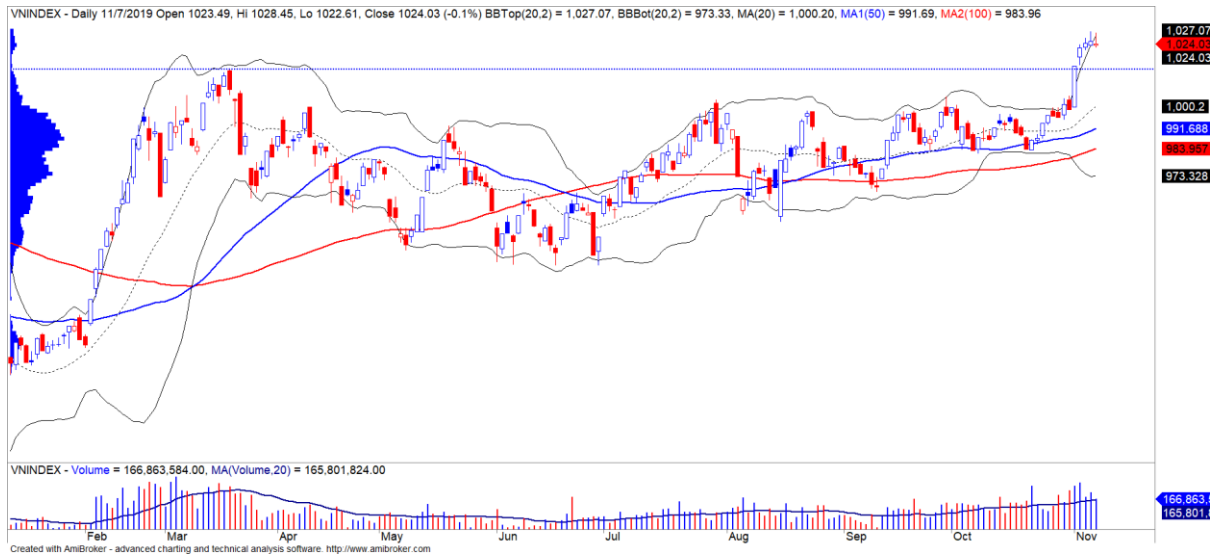
建議短線投資比重：52.5%股票/ 47.5%現金

(股票趨勢追蹤圖在下一頁內更新)



We Create Fortune

技術分析圖



指數技術分析圖 VN-Index



指數技術分析圖 HNX-Index

指數	短期趨勢	中期趨勢	阻力區 1	阻力區 2	支撐區 1	支撐區 2
VN-Index	上漲	上漲	997	1,000	988	953
HNX-Index	上漲	下跌	106	108	99	90
VN30	上漲	上漲	895	935	877	863
VNMidcaps	下跌	上漲	992	1,030	969	963
VNSmallcaps	下跌	上漲	835	845	822	804

We Create Fortune

股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAA	15.80	TĂNG	GIẢM	15.65	15.26	0.96%			16.59		
ACB	24.60	TĂNG	TĂNG	24.30	23.92	1.23%		24.00	21.78	2.50%	
ACV	77.90	TĂNG	GIẢM	75.80	77.56	2.77%			83.54		
BID	41.60	TĂNG	TĂNG	40.80	39.57	1.96%		33.40	37.21	24.55%	
BMP	53.40	TĂNG	TĂNG	51.80	52.57	3.09%		48.30	48.32	10.56%	
BSR	10.00	TĂNG	GIẢM	10.00	9.44	0.00%			10.51		
BVH	74.10	TĂNG	GIẢM	74.00	72.80	0.14%			76.84		
CMG	39.00	TĂNG	TĂNG	38.90	37.08	0.26%		23.20	34.96	68.10%	
CTG	22.25	TĂNG	TĂNG	21.30	21.77	4.46%		22.00	19.85	1.14%	
CTR	49.80	TĂNG	N/A	46.50	47.38	7.10%		-	N/A		
CVT	23.10	TĂNG	TĂNG	21.25	22.63	8.71%		20.35	20.61	13.51%	
DGC	27.20	TĂNG	GIẢM	27.20	26.59	0.00%	MUA		28.96		
DGW	25.95	TĂNG	TĂNG	24.60	25.26	5.49%		23.50	23.07	10.43%	
DHA	31.70	TĂNG	GIẢM	31.85	29.30	-0.47%			34.57		
DHC	37.60	TĂNG	TĂNG	33.00	36.69	13.94%		37.70	35.33	-0.27%	MUA
DHG	93.00	TĂNG	GIẢM	93.50	91.02	-0.53%			99.56		
DPG	47.50	TĂNG	GIẢM	46.60	43.73	1.93%			50.61		
DPR	37.35	TĂNG	GIẢM	37.60	36.46	-0.66%			40.40		
EIB	18.40	TĂNG	TĂNG	17.40	16.12	5.75%			17.85		
FPT	59.50	TĂNG	TĂNG	58.20	57.91	2.23%		46.00	52.88	29.35%	
GAS	106.10	TĂNG	GIẢM	104.50	103.43	1.53%			109.55		
GEX	20.95	TĂNG	TĂNG	21.50	20.07	-2.56%		20.20	20.77	3.71%	
GMD	25.50	TĂNG	GIẢM	25.87	25.03	-1.44%		28.50	26.02	-8.70%	
GTN	21.35	TĂNG	TĂNG	20.00	20.76	6.75%		15.00	18.39	42.33%	
GVR	13.90	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-4.14%			N/A		
HCM	25.30	TĂNG	TĂNG	23.90	23.53	5.86%		23.40	21.08	8.12%	
HDB	29.15	TĂNG	TĂNG	26.30	28.52	10.84%		28.00	26.40	4.11%	
HPG	22.70	TĂNG	GIẢM	22.20	21.53	2.25%			23.82		
HSG	7.40	TĂNG	GIẢM	7.19	6.90	2.92%			7.42		
HT1	16.40	TĂNG	GIẢM	16.55	16.10	-0.91%		16.90	16.70	-1.21%	MUA
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVN	36.20	TĂNG	GIẢM	36.50	34.99	-0.82%			36.93		
KDH	27.20	TĂNG	TĂNG	25.80	26.00	5.43%		24.00	23.87	13.33%	
LHG	15.60	TĂNG	GIẢM	15.60	15.44	0.00%	MUA		17.63		

We Create Fortune

LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.30	0.00%			8.13		
MBB	23.50	TĂNG	TĂNG	23.55	22.88	-0.21%		21.85	21.72	7.55%	
MSN	76.50	TĂNG	GIẢM	76.50	76.49	0.00%	MUA		81.47		
MWG	125.30	TĂNG	TĂNG	127.50	124.02	-1.73%		88.70	114.74	41.26%	
NKG	6.30	TĂNG	GIẢM	5.84	5.93	7.88%			6.45		
NLG	28.50	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	-0.35%		28.70	26.73	-0.70%	
NTL	22.95	TĂNG	GIẢM	22.90	22.12	0.22%			25.17		
PLX	58.90	TĂNG	GIẢM	59.30	58.22	-0.67%			61.98		
PNJ	85.20	TĂNG	TĂNG	81.90	82.76	4.03%		104.00	78.69	-18.08%	
POW	13.60	TĂNG	GIẢM	12.90	13.20	5.43%			13.98		
PVT	17.30	TĂNG	TĂNG	17.30	16.82	0.00%		18.30	16.28	-5.46%	
PPC	25.90	TĂNG	GIẢM	26.20	25.12	-1.15%			28.36		
PTB	74.90	TĂNG	TĂNG	69.70	72.77	7.46%		64.00	68.01	17.03%	
PVD	16.75	TĂNG	TĂNG	16.95	16.13	-1.18%		18.10	15.96	-7.46%	
PVI	31.90	TĂNG	GIẢM	33.20	31.12	-3.92%			36.38		
PVS	19.10	TĂNG	GIẢM	19.30	18.41	-1.04%			20.75		
PXS	5.90	TĂNG	TĂNG	4.76	5.12	23.95%			5.20		
QNS	29.00	TĂNG	TĂNG	29.40	28.79	-1.36%		33.80	27.80	-14.20%	
REE	38.50	TĂNG	TĂNG	37.95	36.70	1.45%		33.33	35.23	15.53%	
SAB	260.00	TĂNG	GIẢM	260.00	252.75	0.00%			270.96		
SAM	8.10	TĂNG	TĂNG	7.99	7.98	1.38%		7.40	7.47	9.46%	
SJS	15.30	TĂNG	GIẢM	15.30	14.13	0.00%		-	17.16		
SSI	22.05	TĂNG	GIẢM	21.75	21.12	1.38%			22.27		
TCB	24.80	TĂNG	TĂNG	22.65	24.03	9.49%		22.65	22.18	9.49%	
TLH	3.98	TĂNG	GIẢM	4.06	3.65	-1.97%			4.75		
VCB	91.30	TĂNG	TĂNG	80.00	88.27	14.13%		62.00	79.18	47.26%	
VCG	27.10	TĂNG	TĂNG	27.00	26.50	0.37%		19.20	24.59	41.15%	
VHC	79.70	TĂNG	GIẢM	81.30	79.15	-1.97%			87.01		
VHM	99.50	TĂNG	TĂNG	88.80	95.10	12.05%		90.20	81.06	10.31%	
VIC	120.80	TĂNG	TĂNG	119.60	118.76	1.00%		112.00	113.76	7.86%	
VIP	5.02	TĂNG	GIẢM	5.15	4.96	-2.52%			5.40		
VJC	143.20	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	2.73%		124.50	134.37	15.02%	
VND	14.10	TĂNG	GIẢM	14.10	14.02	0.00%	MUA		14.93		
VNG	22.35	TĂNG	TĂNG	19.10	22.14	17.02%		20.20	20.93	10.64%	
VPB	22.00	TĂNG	TĂNG	22.25	21.52	-1.12%		20.30	20.56	8.37%	
VPI	41.30	TĂNG	TĂNG	42.20	41.02	-2.13%		41.30	39.68	0.00%	
VRC	17.40	TĂNG	TĂNG	16.05	16.64	8.41%			16.26		
VRE	35.20	TĂNG	TĂNG	32.70	34.15	7.65%		35.05	34.98	0.43%	MUA
AAA	15.80	TĂNG	GIẢM	15.65	15.26	0.96%			16.59		

We Create Fortune

ACB	24.60	TĂNG	TĂNG	24.30	23.92	1.23%		24.00	21.78	2.50%	
ACV	77.90	TĂNG	GIẢM	75.80	77.56	2.77%			83.54		
BID	41.60	TĂNG	TĂNG	40.80	39.57	1.96%		33.40	37.21	24.55%	
BMP	53.40	TĂNG	TĂNG	51.80	52.57	3.09%		48.30	48.32	10.56%	
BSR	10.00	TĂNG	GIẢM	10.00	9.44	0.00%			10.51		
BVH	74.10	TĂNG	GIẢM	74.00	72.80	0.14%			76.84		
CMG	39.00	TĂNG	TĂNG	38.90	37.08	0.26%		23.20	34.96	68.10%	
CTG	22.25	TĂNG	TĂNG	21.30	21.77	4.46%		22.00	19.85	1.14%	
CTR	49.80	TĂNG	N/A	46.50	47.38	7.10%		-	N/A		
CVT	23.10	TĂNG	TĂNG	21.25	22.63	8.71%		20.35	20.61	13.51%	
DGC	27.20	TĂNG	GIẢM	27.20	26.59	0.00%	MUA		28.96		
DGW	25.95	TĂNG	TĂNG	24.60	25.26	5.49%		23.50	23.07	10.43%	
DHA	31.70	TĂNG	GIẢM	31.85	29.30	-0.47%			34.57		
DHC	37.60	TĂNG	TĂNG	33.00	36.69	13.94%		37.70	35.33	-0.27%	MUA
DHG	93.00	TĂNG	GIẢM	93.50	91.02	-0.53%			99.56		
DPG	47.50	TĂNG	GIẢM	46.60	43.73	1.93%			50.61		
DPR	37.35	TĂNG	GIẢM	37.60	36.46	-0.66%			40.40		
EIB	18.40	TĂNG	TĂNG	17.40	16.12	5.75%			17.85		
FPT	59.50	TĂNG	TĂNG	58.20	57.91	2.23%		46.00	52.88	29.35%	
GAS	106.10	TĂNG	GIẢM	104.50	103.43	1.53%			109.55		
GEX	20.95	TĂNG	TĂNG	21.50	20.07	-2.56%		20.20	20.77	3.71%	
GMD	25.50	TĂNG	GIẢM	25.87	25.03	-1.44%		28.50	26.02	-8.70%	
GTN	21.35	TĂNG	TĂNG	20.00	20.76	6.75%		15.00	18.39	42.33%	
GVR	13.90	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-4.14%			N/A		
HCM	25.30	TĂNG	TĂNG	23.90	23.53	5.86%		23.40	21.08	8.12%	
HDB	29.15	TĂNG	TĂNG	26.30	28.52	10.84%		28.00	26.40	4.11%	
HPG	22.70	TĂNG	GIẢM	22.20	21.53	2.25%			23.82		
HSG	7.40	TĂNG	GIẢM	7.19	6.90	2.92%			7.42		
HT1	16.40	TĂNG	GIẢM	16.55	16.10	-0.91%		16.90	16.70	-1.21%	MUA
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVN	36.20	TĂNG	GIẢM	36.50	34.99	-0.82%			36.93		
KDH	27.20	TĂNG	TĂNG	25.80	26.00	5.43%		24.00	23.87	13.33%	
LHG	15.60	TĂNG	GIẢM	15.60	15.44	0.00%	MUA		17.63		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.30	0.00%			8.13		
MBB	23.50	TĂNG	TĂNG	23.55	22.88	-0.21%		21.85	21.72	7.55%	
MSN	76.50	TĂNG	GIẢM	76.50	76.49	0.00%	MUA		81.47		
MWG	125.30	TĂNG	TĂNG	127.50	124.02	-1.73%		88.70	114.74	41.26%	
NKG	6.30	TĂNG	GIẢM	5.84	5.93	7.88%			6.45		
NLG	28.50	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	-0.35%		28.70	26.73	-0.70%	

We Create Fortune

NTL	22.95	TĂNG	GIẢM	22.90	22.12	0.22%			25.17		
PLX	58.90	TĂNG	GIẢM	59.30	58.22	-0.67%			61.98		
PNJ	85.20	TĂNG	TĂNG	81.90	82.76	4.03%		104.00	78.69	-18.08%	
POW	13.60	TĂNG	GIẢM	12.90	13.20	5.43%			13.98		
PVT	17.30	TĂNG	TĂNG	17.30	16.82	0.00%		18.30	16.28	-5.46%	
PPC	25.90	TĂNG	GIẢM	26.20	25.12	-1.15%			28.36		
PTB	74.90	TĂNG	TĂNG	69.70	72.77	7.46%		64.00	68.01	17.03%	
PVD	16.75	TĂNG	TĂNG	16.95	16.13	-1.18%		18.10	15.96	-7.46%	
PVI	31.90	TĂNG	GIẢM	33.20	31.12	-3.92%			36.38		
PVS	19.10	TĂNG	GIẢM	19.30	18.41	-1.04%			20.75		
PXS	5.90	TĂNG	TĂNG	4.76	5.12	23.95%			5.20		
QNS	29.00	TĂNG	TĂNG	29.40	28.79	-1.36%		33.80	27.80	-14.20%	

LARGECAPS 大型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
ACB	24.60	TĂNG	TĂNG	24.30	23.92	1.23%		24.00	21.78	2.50%	
BID	41.60	TĂNG	TĂNG	40.80	39.57	1.96%		33.40	37.21	24.55%	
BSR	10.00	TĂNG	GIẢM	10.00	9.44	0.00%			10.51		
BVH	74.10	TĂNG	GIẢM	74.00	72.80	0.14%			76.84		
CTG	22.25	TĂNG	TĂNG	21.30	21.77	4.46%		22.00	19.85	1.14%	
FPT	59.50	TĂNG	TĂNG	58.20	57.91	2.23%		40.23	52.88	47.91%	
GAS	106.10	TĂNG	GIẢM	104.50	103.43	1.53%			109.55		
GEX	20.95	TĂNG	TĂNG	21.50	20.07	-2.56%		20.26	20.77	3.40%	
GVR	13.90	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-4.14%			N/A		
HDB	29.15	TĂNG	TĂNG	26.30	28.52	10.84%		28.00	26.40	4.11%	
HNG	14.90	GIẢM	GIẢM		15.26				16.99		
HPG	22.70	TĂNG	GIẢM	22.20	21.53	2.25%			23.82		
HVN	36.20	TĂNG	GIẢM	36.50	34.99	-0.82%			36.93		
KDH	27.20	TĂNG	TĂNG	25.80	26.00	5.43%		24.00	23.87	13.33%	
MBB	23.50	TĂNG	TĂNG	23.55	22.88	-0.21%		19.72	21.72	19.17%	
MSN	76.50	TĂNG	GIẢM	76.50	76.49	0.00%	MUA		81.47		
MWG	125.30	TĂNG	TĂNG	127.50	124.02	-1.73%		88.70	114.74	41.26%	
NVL	58.10	GIẢM	GIẢM		60.63			63.00	58.45	-7.23%	
OIL	10.30	GIẢM	GIẢM		10.65				12.16		
PLX	58.90	TĂNG	GIẢM	59.30	58.22	-0.67%			61.98		
PNJ	85.20	TĂNG	TĂNG	81.90	82.76	4.03%		77.07	78.69	10.55%	

We Create Fortune

POW	13.60	TĂNG	GIẢM	12.90	13.20	5.43%			13.98		
QNS	29.00	TĂNG	TĂNG	29.40	28.79	-1.36%		33.26	27.80	-12.80%	
REE	38.50	TĂNG	TĂNG	37.95	36.70	1.45%		33.33	35.23	15.53%	
ROS	25.00	GIẢM	GIẢM		25.94				28.27		
SBT	18.90	TĂNG	TĂNG	18.90	18.83	0.00%	MUA	17.50	17.08	8.00%	
SSI	22.05	TĂNG	GIẢM	21.75	21.12	1.38%			22.27		
STB	10.90	GIẢM	GIẢM		11.15				11.09		
TCB	24.80	TĂNG	TĂNG	22.65	24.03	9.49%		22.65	22.18	9.49%	
TPB	22.50	TĂNG	GIẢM	22.70	21.99	-0.88%			23.94		
VCB	91.30	TĂNG	TĂNG	80.00	88.27	14.13%		62.00	79.18	47.26%	
VCG	27.10	TĂNG	TĂNG	27.00	26.50	0.37%		18.44	24.59	46.95%	
VCS	89.10	GIẢM	GIẢM		91.11				102.93		
VEA	50.20	GIẢM	GIẢM		51.26				59.45		
VGI	31.80	TĂNG	N/A	33.60	31.33	-5.36%			N/A		
VHM	99.50	TĂNG	TĂNG	88.80	95.10	12.05%		89.13	81.06	11.64%	
VIB	18.10	GIẢM	TĂNG		18.34			15.00	16.56	20.63%	
VIC	120.80	TĂNG	TĂNG	119.60	118.76	1.00%		112.00	113.76	7.86%	
VJC	143.20	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	2.73%		124.50	134.37	15.02%	
VNM	129.10	GIẢM	TĂNG		133.93			130.10	124.25	-0.77%	
VPB	22.00	TĂNG	TĂNG	22.25	21.52	-1.12%		20.30	20.56	8.37%	
VRE	35.20	TĂNG	TĂNG	32.70	34.15	7.65%		35.05	34.98	0.43%	MUA

MIDCAPS 中型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAA	15.80	TĂNG	GIẢM	15.75	15.26	0.32%			16.59		
ANV	25.20	GIẢM	GIẢM		26.57				27.58		
ASM	6.59	GIẢM	TĂNG		6.83			7.61	6.38	-13.40%	
BMI	27.30	TĂNG	TĂNG	26.00	25.90	5.00%		26.70	23.99	2.25%	
BMP	53.40	TĂNG	TĂNG	51.80	52.57	3.09%		48.30	48.32	10.56%	
BWE	25.30	GIẢM	GIẢM		25.92			19.44	25.45	30.94%	BÁN
CEO	9.50	GIẢM	GIẢM		9.76				10.31		
CII	24.00	GIẢM	TĂNG		24.87			24.45	22.23	-1.84%	
CRE	24.60	GIẢM	GIẢM		25.03				25.94		
CTI	24.80	TĂNG	TĂNG	24.00	24.16	3.33%		25.05	22.66	-1.00%	
CTR	49.80	TĂNG	GIẢM	46.50	47.38	7.10%			53.42		
D2D	86.70	TĂNG	TĂNG	72.50	80.75	19.59%		83.10	69.72	4.33%	

We Create Fortune

DBD	56.60	TĂNG	TĂNG	55.10	54.14	2.72%		38.65	50.35	46.44%	
DCM	7.25	GIẢM	TĂNG		7.47			7.63	7.15	-5.01%	
DGW	25.95	TĂNG	TĂNG	24.12	25.26	7.60%		23.04	23.07	12.64%	
DHC	37.60	TĂNG	TĂNG	33.00	36.69	13.94%		37.70	35.33	-0.27%	MUA
DIG	13.75	GIẢM	TĂNG		13.99			13.90	13.14	-1.08%	
DPG	47.50	TĂNG	GIẢM	46.60	43.73	1.93%			50.61		
DPM	13.80	GIẢM	TĂNG		14.25			14.95	13.37	-7.69%	
DRC	22.90	GIẢM	TĂNG		23.87			21.60	21.72	6.02%	
DXG	16.20	GIẢM	TĂNG		16.24			15.50	14.86	4.52%	
E1VFN30	15.73	TĂNG	TĂNG	15.62	15.44	0.70%		15.26	14.82	3.08%	
FCN	11.95	GIẢM	GIẢM		12.53				13.36		
FLC	4.51	GIẢM	TĂNG		5.10			4.63	4.02	-2.59%	
GEG	27.70	TĂNG	TĂNG	28.10	27.26	-1.42%		12.50	24.99	121.56%	
GMD	25.50	TĂNG	GIẢM	25.87	25.03	-1.44%		26.91	26.02	-3.31%	
GTN	21.35	TĂNG	TĂNG	20.00	20.76	6.75%		15.00	18.39	42.33%	
HAG	4.15	GIẢM	GIẢM		4.34				4.83		
HBC	12.60	GIẢM	GIẢM		13.10				15.19		
HCM	25.30	TĂNG	TĂNG	23.90	23.53	5.86%		23.40	21.08	8.12%	
HDC	22.85	GIẢM	TĂNG		23.10			15.25	20.01	49.84%	
HDG	35.50	GIẢM	TĂNG		36.25			35.30	32.61	0.57%	
HPX	26.45	GIẢM	#N/A		26.96			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.40	TĂNG	GIẢM	7.19	6.90	2.92%			7.42		
HT1	16.40	TĂNG	GIẢM	16.55	16.10	-0.91%		16.90	16.70	-1.21%	MUA
HTM	14.40	GIẢM	GIẢM	16.80	14.68	-12.61%	BÁN		18.90		
IBC	20.85	TĂNG	GIẢM	20.60	20.45	1.21%			21.22		
IDI	5.46	GIẢM	TĂNG		5.59			7.53	5.22	-27.49%	
IJC	15.45	GIẢM	TĂNG		15.89			13.10	13.74	17.94%	
ITA	3.15	TĂNG	TĂNG	3.29	3.09	-4.26%		3.20	2.96	-1.56%	
KBC	14.50	GIẢM	TĂNG		14.82			14.85	13.91	-2.34%	
KDC	21.85	TĂNG	TĂNG	21.50	21.03	1.63%		21.90	18.93	-0.23%	
KOS	27.50	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	2.61%		26.30	25.07	4.56%	
KSB	18.30	GIẢM	GIẢM		19.37				23.17		
LDG	10.65	GIẢM	TĂNG		10.72			9.89	10.08	7.68%	
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.30	0.00%			8.13		
MBG	45.30	TĂNG	TĂNG	13.70	38.44	230.66%		5.10	32.27	788.24%	
MBS	14.40	GIẢM	GIẢM		15.00				16.09		
MPC	22.50	GIẢM	GIẢM		23.11				27.72		
NBB	21.30	TĂNG	GIẢM	20.85	20.44	2.16%			22.02		

We Create Fortune

NKG	6.30	TĂNG	GIẢM	5.84	5.93	7.88%		6.45		
NLG	28.50	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	-0.35%		26.28	26.73	8.44%
NT2	23.00	GIẢM	GIẢM		23.55			24.95		
NTL	22.95	TĂNG	GIẢM	22.90	22.12	0.22%		25.17		
NVB	9.10	TĂNG	TĂNG	7.60	8.76	19.74%		8.50	7.74	7.06%
OGC	3.92	GIẢM	GIẢM		4.13			4.28		
PC1	19.00	GIẢM	TĂNG		19.66			19.30	18.48	-1.55%
PDR	26.10	GIẢM	TĂNG		26.42			23.59	25.01	10.62%
PHR	58.10	GIẢM	GIẢM		60.53			65.37		
PPC	25.90	TĂNG	GIẢM	26.20	25.12	-1.15%		28.36		
PTB	74.90	TĂNG	TĂNG	69.70	72.77	7.46%		60.78	68.01	23.23%
PVD	16.75	TĂNG	TĂNG	16.95	16.13	-1.18%		18.10	15.96	-7.46%
PVI	31.90	TĂNG	GIẢM	33.20	31.12	-3.92%		36.38		
PVS	19.10	TĂNG	GIẢM	19.30	18.41	-1.04%		20.75		
PVT	17.30	TĂNG	TĂNG	17.30	16.82	0.00%		17.31	16.28	-0.03%
QCG	4.55	TĂNG	GIẢM	4.76	4.53	-4.41%		5.27		
SCR	6.04	GIẢM	GIẢM		6.24			6.65		
SGP	8.40	GIẢM	GIẢM		9.11			12.30	8.95	-27.24%
SHB	6.80	TĂNG	GIẢM	6.60	6.42	3.03%		6.86		
SHS	8.50	TĂNG	TĂNG	7.30	8.12	16.44%		8.40	7.19	1.19%
SZC	17.60	TĂNG	#N/A	18.30	17.33	-3.83%		#N/A		
TCH	23.75	TĂNG	GIẢM	23.30	22.70	1.93%		25.82		
TCM	21.70	GIẢM	GIẢM		22.60			25.14		
TDH	10.15	GIẢM	GIẢM		10.47			11.77		
TNG	15.50	GIẢM	GIẢM		16.42			19.09		
TTB	19.00	GIẢM	GIẢM		20.32			23.98		
VGC	18.75	GIẢM	GIẢM	20.00	18.77	-6.14%	BÁN	20.53		
VGT	8.40	GIẢM	GIẢM		8.84			9.78		
VHC	79.70	TĂNG	GIẢM	81.30	79.15	-1.97%		87.01		
VND	14.10	TĂNG	GIẢM	14.10	14.02	0.00%	MUA	14.93		
VNG	22.35	TĂNG	TĂNG	19.10	22.14	17.02%		20.20	20.93	10.64%
VPI	41.30	TĂNG	TĂNG	42.20	41.02	-2.13%		41.30	39.68	0.00%

We Create Fortune

SMALLCAPS 小型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAV	9.10	GIẢM	GIẢM		9.33				10.38		
AGR	4.13	GIẢM	GIẢM		4.33				4.85		
AMD	1.58	GIẢM	GIẢM	1.49	1.60	7.35%	BÁN		1.67		
APG	9.50	TĂNG	TĂNG	8.76	8.57	8.45%		9.90	7.90	-4.04%	
ART	2.10	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	5.00%			2.25		
BCG	7.90	TĂNG	TĂNG	8.60	7.78	-8.14%		6.39	7.30	23.63%	
C4G	6.30	TĂNG	GIẢM	6.90	6.22	-8.70%			7.72		
C69	13.60	GIẢM	GIẢM		15.82				26.16		
CCL	6.90	GIẢM	GIẢM		7.50				8.70		
CVT	23.10	TĂNG	TĂNG	21.25	22.63	8.71%		20.35	20.61	13.51%	
DAH	9.95	TĂNG	GIẢM	10.60	9.94	-6.13%			11.48		
DLG	1.55	GIẢM	GIẢM		1.70				1.65		
DRH	4.81	GIẢM	GIẢM		5.39				7.54		
DTD	12.80	GIẢM	GIẢM		13.50				17.28		
EVG	2.74	TĂNG	GIẢM	2.78	2.65	-1.44%			2.90		
FIT	4.06	GIẢM	TĂNG		4.48			3.64	3.79	11.54%	
FTM	3.40	TĂNG	GIẢM	3.93	3.28	-13.49%			6.96		
FUES SV50	13.65	TĂNG	TĂNG	13.30	13.51	2.63%		12.85	12.78	6.23%	
GKM	14.90	TĂNG	GIẢM	15.00	14.82	-0.67%			15.54		
HAH	12.90	GIẢM	GIẢM		13.73			13.00	13.89	6.82%	BÁN
HAI	1.85	TĂNG	TĂNG	1.69	1.76	9.47%		1.88	1.80	-1.60%	MUA
HAR	3.60	GIẢM	GIẢM		3.64				3.88		
HDA	10.70	GIẢM	GIẢM		11.09				12.07		
HHP	12.00	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-1.64%			13.51		
HHS	2.98	GIẢM	TĂNG		3.21			3.36	2.94	-11.31%	
HID	2.46	TĂNG	TĂNG	2.10	2.37	17.14%		2.63	2.14	-6.46%	
HII	11.45	GIẢM	GIẢM		11.72				12.29		
HQC	1.07	GIẢM	GIẢM		1.15				1.25		
HSL	7.70	GIẢM	GIẢM		8.08				9.29		
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVG	5.95	TĂNG	TĂNG	3.02	5.02	97.02%		3.90	2.45	52.56%	
HVH	18.30	TĂNG	GIẢM	18.60	18.14	-1.61%			21.39		
IDJ	7.00	GIẢM	TĂNG		7.77			7.20	5.42	-2.78%	
JVC	4.15	GIẢM	TĂNG		4.44			3.10	4.11	33.87%	BÁN



We Create Fortune

KLF	1.30	TĂNG	GIẢM	1.40	1.11	-7.14%			1.48		
LCG	8.43	GIẢM	GIẢM		8.50				9.43		
LGL	9.29	GIẢM	GIẢM		9.45			7.11	9.49	33.44%	
LHG	15.60	TĂNG	GIẢM	15.60	15.44	0.00%	MUA		17.63		
LMH	12.80	GIẢM	#N/A		13.27				#N/A		
MST	3.80	TĂNG	TĂNG	3.80	3.66	0.00%	MUA	3.40	2.97	11.76%	
NDN	16.70	GIẢM	TĂNG		17.05			13.10	16.27	27.44%	
PHC	11.90	GIẢM	TĂNG	11.43	11.92	4.34%	BÁN	14.20	11.21	-16.20%	
PLP	10.15	GIẢM	GIẢM		10.90			10.95	10.55	-3.65%	BÁN
PVB	19.10	GIẢM	TĂNG		19.93			19.42	18.62	-1.63%	
PVC	7.60	TĂNG	TĂNG	6.89	7.20	10.33%		6.70	6.30	13.43%	
PVX	1.20	GIẢM	GIẢM		1.40				1.50		
PXL	6.30	TĂNG	GIẢM	5.50	5.75	14.55%			6.41		
SHI	9.05	GIẢM	TĂNG		9.42			5.77	8.30	56.98%	
SJF	2.20	GIẢM	GIẢM		2.31				3.02		
SPP	2.10	GIẢM	GIẢM		2.33				3.23		
TDC	8.58	GIẢM	TĂNG		8.96			7.05	8.48	21.63%	
TIG	5.00	TĂNG	TĂNG	3.40	4.32	47.06%		3.20	3.64	56.25%	
TLH	3.98	TĂNG	GIẢM	4.06	3.65	-1.97%			4.75		
TNA	19.05	TĂNG	TĂNG	13.70	17.37	39.05%		11.45	14.40	66.36%	
TNI	10.00	GIẢM	GIẢM		10.16				10.89		
TSC	3.40	TĂNG	TĂNG	1.88	3.01	80.85%		1.58	2.31	115.19%	
TTF	2.78	GIẢM	GIẢM		2.99				3.22		
TTH	2.80	GIẢM	GIẢM		2.87				3.27		
TVC	15.40	GIẢM	TĂNG		16.13			14.30	14.38	7.69%	
VC3	25.50	TĂNG	TĂNG	25.50	24.73	0.00%	MUA	22.00	23.05	15.91%	
VCR	16.10	GIẢM	GIẢM		19.01				23.69		
VNA	4.20	GIẢM	TĂNG		4.87			4.70	3.92	-10.64%	
VNE	3.40	GIẢM	GIẢM		3.66				3.70		
VRC	17.40	TĂNG	TĂNG	16.05	16.64	8.41%			16.26		



We Create Fortune

胡志明市交易所 (HSX)

	收盤	漲跌%
VNI	1024.03	-0.09%
VN30	944.25	0.20%
VN Mid	975.09	-0.12%
VN Small	789.48	-0.02%

河內交易所 (HSX)

	收盤	漲跌%
HNI	106.88	0.12%
HN30	189.85	0.41%
VNX AllSh	905.5	0.05%

UPCOM 市場 (UPCoM)

	收盤	漲跌%
UPCoM	56.83	0.41%

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	645.55	
賣出	512.13	
買超/賣超	133.42	

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	11.90	
賣出	26.03	
買超/賣超	-14.13	

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	38.14	
賣出	42.91	
買超/賣超	-4.76	

上漲排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
HVG	380	6.82%
EIB	1000	5.75%
TDM	1150	4.45%
HPG	700	3.18%
DPG	1300	2.81%

上漲排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
MBG	3300	7.86%
VC3	1300	5.37%
DGC	1300	5.02%
VIX	200	3.51%
CEO	300	3.26%

上漲排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
VCP	6600	14.83%
VEA	1100	2.24%
VIB	200	1.12%
MPC	200	0.90%
NHH	100	0.22%

下跌排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
FRT	-1200	-2.93%
KSB	-500	-2.66%
HHS	-80	-2.61%
FLC	-120	-2.59%
ANV	-600	-2.33%

下跌排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
DHT	-3000	-5.16%
TAR	-1000	-2.94%
BVS	-300	-2.80%
VCS	-1400	-1.55%
TVC	-200	-1.28%

下跌排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
C4G	-200	-3.08%
ACV	-2000	-2.50%
HTM	-300	-2.04%
CTR	-800	-1.58%
SIP	-1600	-1.52%

*備註：市值>5,000 億盾；成交值>15 億盾

市值排名/股碼	十億盾
VIC	407,870
VCB	337,508
VHM	332,942
VNM	226,553
GAS	202,496

市值排名/股碼	十億盾
ACB	40,750
VCS	14,480
VCG	12,059
PVS	9,129
SHB	8,061

市值排名/股碼	十億盾
ACV	174,014
VGI	97,125
VEA	65,179
GVR	56,368
MCH	51,820

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
ROS	27,671,070	26,403,624
HPG	14,467,350	5,326,907
FLC	12,364,730	15,540,779
SBT	12,305,640	2,841,937
MBB	7,014,090	4,772,043

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
ACB	2,135,499	5,088,946
SHB	1,771,118	3,171,819
PVS	1,748,390	1,845,871
CEO	1,560,328	841,432
DST	1,156,100	210,356

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
VCP	4,254,857	458,405
BSR	1,579,027	2,075,316
VIB	1,561,682	1,012,680
NHH	1,140,500	172,964
C4G	563,890	341,164

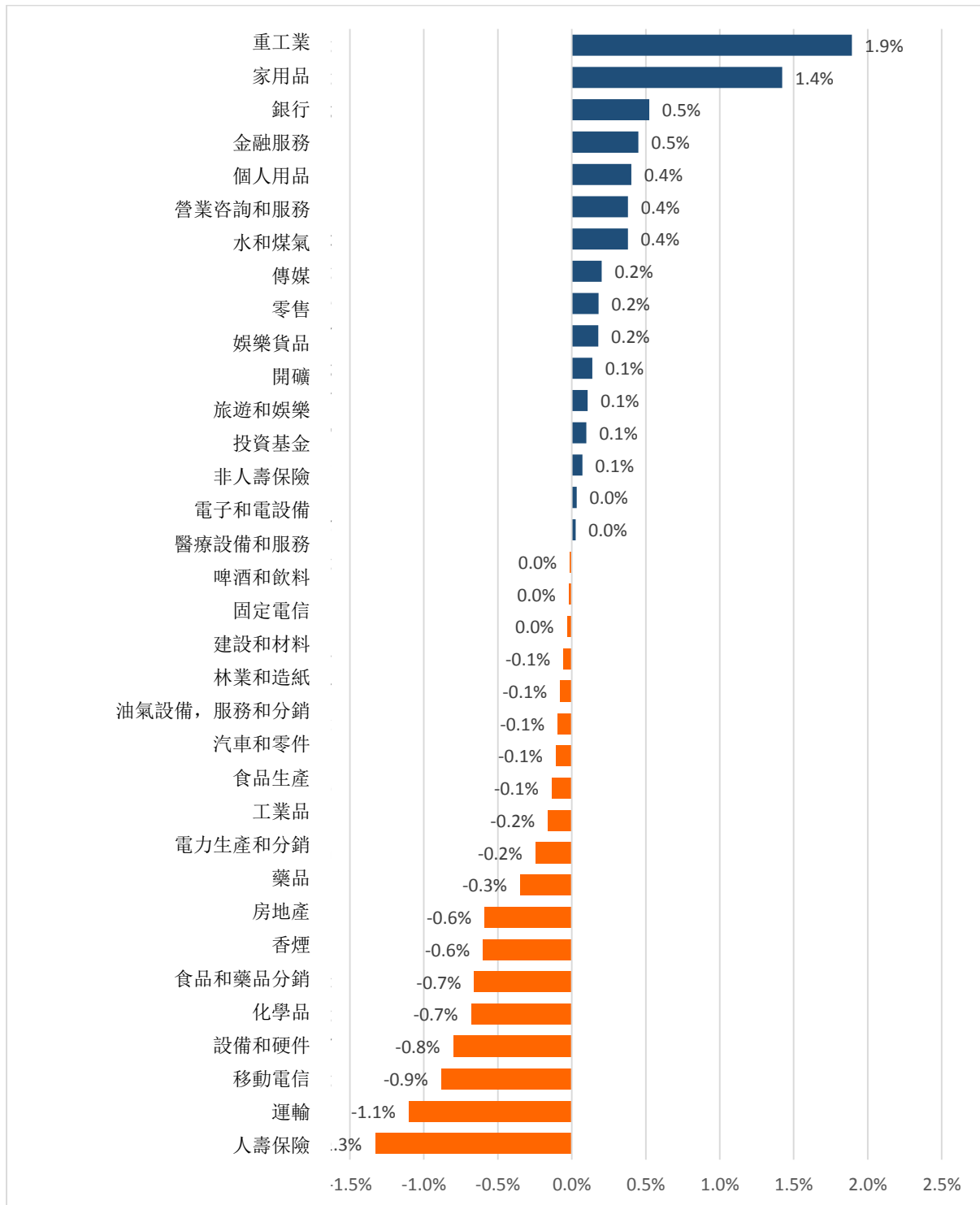
資料源: Bloomberg & Yuanta Research

資料源: Bloomberg & Yuanta Research

資料源: Bloomberg & Yuanta Research

We Create Fortune

各行業板塊的交易走勢



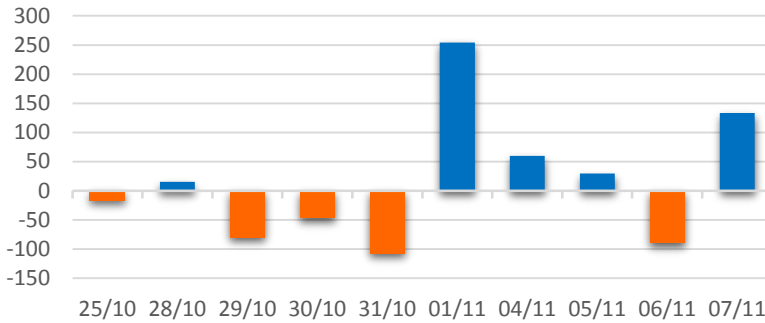
資料源: FiinPro - YSVN



We Create Fortune

外資買進賣統計

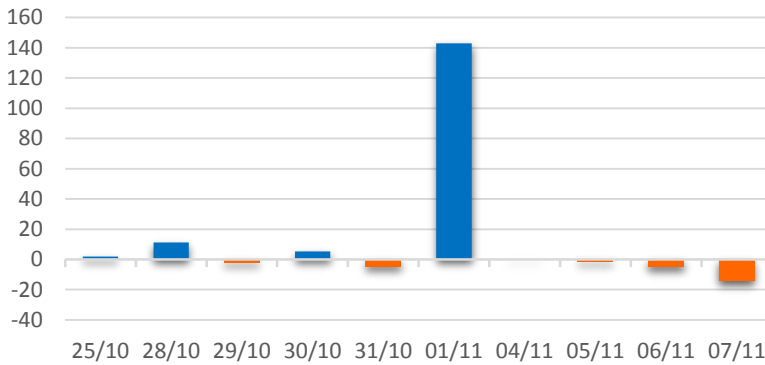
HSX 外資每日買/賣超



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
VRE	62,978	VNM	63,803
VHM	62,564	NVL	7,824
HPG	45,736	VJC	7,340
ROS	24,908	ANV	6,725
HCM	9,878	VCI	6,131

HSX 外資買/賣超的前 5 名

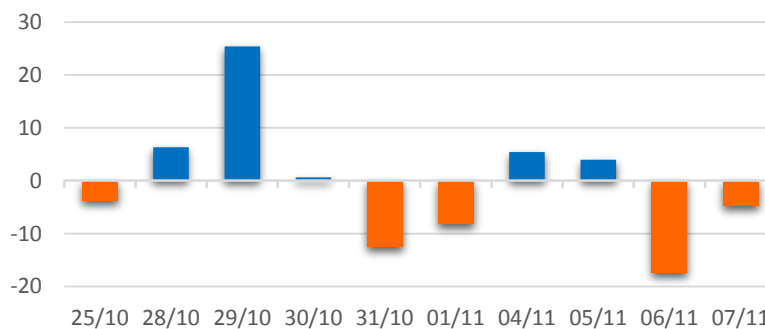
HNX 外資每日買/賣超



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
SHB	5,600	PVS	5,875
BAX	463	NDN	4,317
IDJ	258	CEO	3,989
IDV	128	PTI	2,335
LAS	84	VIX	1,626

HNX 外資買/賣超的前 5 名

UPCOM 外資每日買/賣超



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
VTP	5,536	ACV	10,771
MCH	2,443	VLC	925
MPC	508	IDC	372
VGI	247	BSR	316
VEA	180	CTR	384

UPCOM 外資買/賣超的前 5 名

源: FiinPro – YSVN



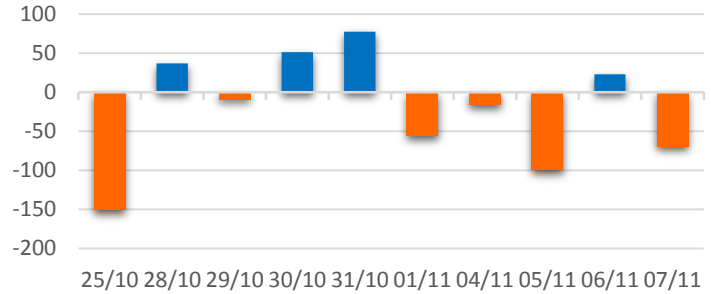
We Create **Fortune**

自營進出統計

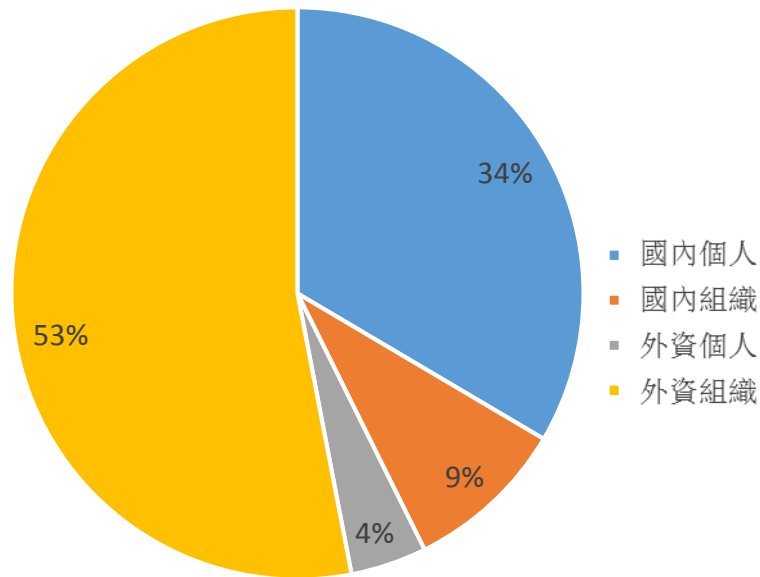
證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
VNM	19,367	GMD	39,234
HPG	8,959	HPG	18,203
BMI	4,566	VNM	14,686
KDH	2,691	MBB	11,754
FPT	2,669	VRE	10,082

券商自營交易最大前名

券商自營交易每日買/賣超 (bil.VND)



越南證券市場投資人類別統計

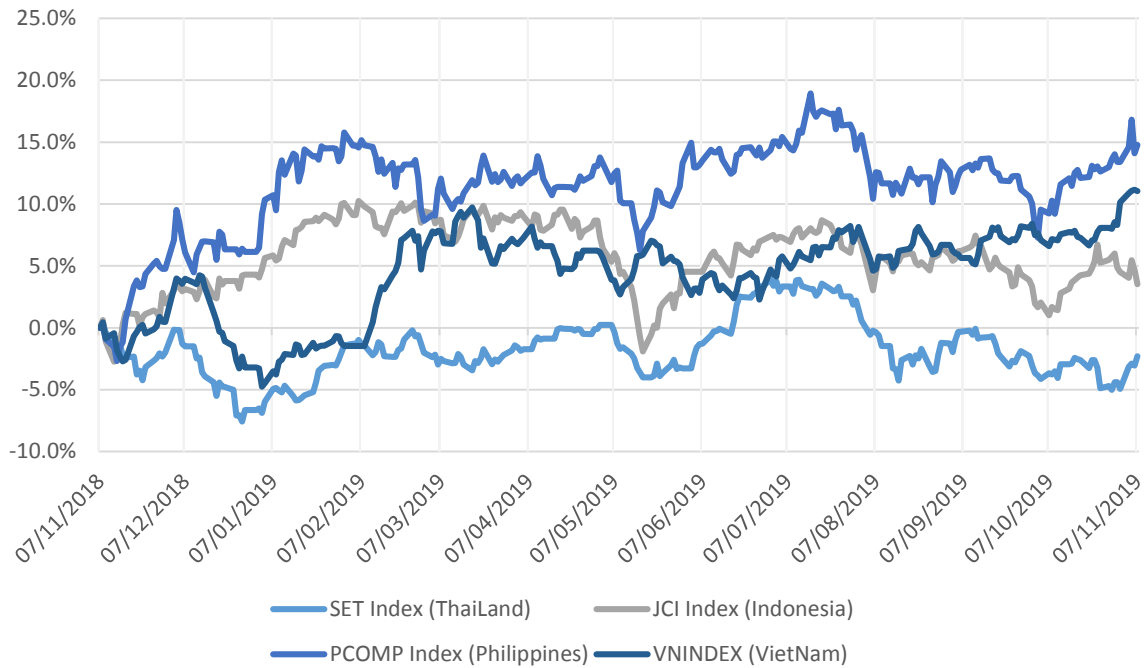


資料源: FiiPro - YSVN



We Create Fortune

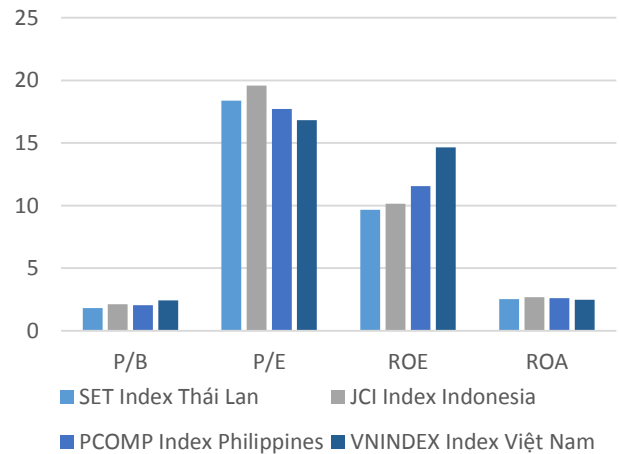
東南亞主要市場走勢比較



東南亞主要市場數據

		Thailand	Indonesia	Philippines	Vietnam
P/B		1.8x	2.1x	2.1x	2.4x
P/E		18.4x	19.6x	17.7x	16.8x
ROE	%	9.59	10.24	11.65	14.74
ROA	%	2.51	2.69	2.62	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	562.30	515.51	202.72	149.43
GTGD	Triệu USD	1.64	0.53	0.15	0.16
LS cổ tức	%	3.07	2.45	1.57	1.82

BloomBerg & YSVN





We Create **Fortune**

元大證券（越南）公司

個人客戶分析部

Nguyễn Th ê Minh

研究分析經理

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com.vn

Quách Đức Khánh

高級分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com.vn

Phạm Tấn Phát

高級分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuantan.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com.vn

個人客戶業務部

Nguyễn Thanh Tùng

總公司業務經理

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

華人客戶部經理

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Qu ê

堤岸分行經理

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

河內分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

平陽分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

同奈分行經理

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

河內南部營業中心經理

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Đình Tuấn

峴港分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written